

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2022/DS-PT**  
Ngày: 25-7-2022  
V/v tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phụng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 145/TB-TA ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H (chết năm 2021)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

1. Ông Thái Thanh H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Thái Thị Thu N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Bà Thái Thị Thanh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Thái Thanh C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị H: Bà T là Luật sư của Văn phòng

Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: số H, đường T, khóm 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

5. Bà Thái Thị Thanh V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà Thái Thị Thanh P, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ông Thái Thanh L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

*- Bị đơn:*

1. Ông Thái Thanh H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Thái Thanh H: Ông Phạm Văn H là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ số: 298/22, Quốc lộ 1, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Thái Thị Thu N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Thái Bảo H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Thái Bảo C, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ngọc G, ông Thái Bảo H, bà Thái Bảo C: Ông Thái Thanh H. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền các ngày 21/9/2016; 09/6/2016; 07/6/2016). (có mặt)

4. Bà Thái Thị Thanh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Thái Thị Thanh V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà Thái Thị Thanh P, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ông Thái Thanh C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Thái Thanh C: Bà T là Luật sư của Văn phòng Luật sư T,

thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: số H, đường T, khóm M, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

8. Ông Thái Thanh L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Bà Trương Thị Minh N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Bà Lâm Thị M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11. Ông Trần Long D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh C, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị M, ông Trần Long D là ông Nguyễn Vĩnh P. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền các ngày 13/4/2016; 13/4/2016; 13/4/2016; 13/4/2016; 13/4/2016; 26/5/2016; 26/5/2016; 30/5/2016).

12. Em Thái Vũ K, sinh năm 2004. Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

13. Em Trần Anh K, sinh năm 2004. Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

14. Em Thái Phi P, sinh năm 2002. Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn;

2. Ông Thái Thanh H là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2016; các biên bản hòa giải ngày 14/4/2016; ngày 04/10/2016; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh C, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị M, ông Trần Long D trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Thái H là vợ chồng (ông H mất ngày 02/12/ 2011), trong thời gian chung sống có tạo lập được thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, diện tích: 542,6m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 300m<sup>2</sup>; đất CLN: 242,6m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; đã được UBND huyện M (Nay là huyện T), tỉnh

Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 945807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00152 cho ông Thái H, bà Trần Thị H ngày 27/9/2007; có nhà ở ổn định trên thửa đất này.

Sau đó, khi các con của (ông, bà) tạo lập gia đình, thì (ông, bà) có cho các con tạm cất nhà trên thửa đất này để ở. Trên phần diện tích đất này, có vợ chồng Thái Thanh H ở trong căn nhà có sẵn do (ông, bà) cất; Thái thị Thu N ở trong căn nhà tạm cất bằng lá; Thái Thanh H; Thái Thanh L cũng chỉ cất nhà tạm để ở, chứ không có cất nhà kiên cố.

Đến năm 2011, thì ông H bệnh qua đời, khi chết không có để lại di chúc, định đoạt quyền sử dụng đất của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng, trong khoảng thời gian này bà H có cất thêm 03 gian nhà đúc để ở. Sau khi ông H mất, thì các con N, H đòi cất nhà kiên cố để ở, mặc khác N và H có ý định chiếm trọn chiều ngang đất mặt tiền đường lộ.

Bà H thấy hành vi của các con H và N xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp về quyền thừa kế theo pháp luật của bà và các người con còn lại trong gia đình, bà có làm đơn gửi chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không thành.

Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Cộng nhận 50% diện tích đất ( $542,6m^2$ ) trong khối tài sản chung của bà là:  $271,3 m^2$  (loại đất 0NT: 150; đất CLN:  $121,3m^2$ ), thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị H.

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 50% diện tích đất còn lại trong khối tài sản chung là:  $271,3 m^2$  (loại đất 0NT: 150; đất CLN:  $121,3m^2$ ), thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; mà ông H chết để lại.

Yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất:  $542,6m^2$  (loại đất 0NT: 300; đất CLN:  $242,6m^2$ ), thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; và bà đồng ý thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo kỹ phần thừa kế mà các con bà được hưởng thừa kế theo pháp luật của chồng bà để lại. Các người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan bà T, bà V, bà P, ông C, ông L, bà N, M, ông D đồng ý giao phần đất thừa kế cho bà H quyết định.

- Tại các biên bản hòa giải ngày 14/4/2016; ngày 04/10/2016; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Thái Thanh H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc G, ông Thái Bảo H, bà Thái Bảo C trình bày: Ông H thừa nhận thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, diện tích đất:  $542,6m^2$  (loại đất 0NT: 300; đất CLN:  $242,6m^2$ ), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là của Cha mẹ (cha Thái H, mẹ Trần Thị H), ông đã cất nhà ở trên phần đất này khoảng 50 năm, hiện nay ông không có đất khác để ở.

Nay theo yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị H (me), thì ông không đồng ý.

- Tại các biên bản hòa giải ngày 14/4/2016, ngày 04/10/2016 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Thái Thị Thu N trình bày: Bà N thừa nhận thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: 12, diện tích đất: 542,6m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 300; đất CLN: 242,6m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của Cha mẹ (cha Thái H, mẹ Trần Thị H), bà đã cất nhà ở trên phần đất này khoảng 50 năm, hiện nay bà không có đất khác để ở.

Nay theo yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị H (mẹ bà), thì bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 3 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Áp dụng Khoản 5 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu công nhận 50%, thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), diện tích: 529,4m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 300; đất CLN: 229,4m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị H; bà Trần Thị H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 50% phần còn lại của thửa đất nêu trên của ông Thái H (chết) để lại cho các đồng thừa kế; và bà Trần Thị H yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), diện tích: 529,4m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 300; đất CLN: 229,4m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho bà Trần Thị H; và bà H đồng ý thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo tỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật.

1. Công nhận 50%, thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), diện tích đất: 264,7m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 150 m<sup>2</sup>; đất CLN: 114,7m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H; và bà H được nhận 01 tỷ phần thừa kế cùng với 05 tỷ phần thừa kế của (bà T, bà V, bà P, ông C, ông L) nhận bằng hiện vật đất (6 tỷ phần), tổng diện tích: 463,22 m<sup>2</sup> (loại đất 0NT: 262,5 m<sup>2</sup>; đất CLN: 200.72m<sup>2</sup>), thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đường tỉnh lộ 932, giáp phần đất chia cho bà N, thửa đất 129, có số đo: 3,79m + 4,00m + 1,18m;

- Phía Tây giáp hẻm đāl có số đo: 7,15m;

- Phía Nam giáp thửa đất 129 có số đo: 29,51m + 2,10m + 3,89m + 0,58m + 7,06m + 2,30m + 2,78m + 2,72m;

- Phía Bắc giáp thửa đất 99 có số đo: 14,58m + 17,52m + 4,00m + 0,47m + 7,05m + 2,30m + 2,91m + 17,69m + 4,48m;

2. Ông Thái Thanh H được nhận (01 kỷ phần) chia di sản thừa kế bằng hiện vật (đất) là: 33, 09m<sup>2</sup> (Trong đó: 18,75 m<sup>2</sup> ONT + 14,34 m<sup>2</sup>), thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đường tỉnh lộ 932 có số đo: 3m;

- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất 240 (số thửa cũ: 99) chia cho bà N có số đo: 3m;

- Phía Nam giáp thửa đất 129 có số đo: 11,04m;

Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất 240 (số thửa cũ: 99) chia cho bà N có số đo: 11,03m;

3. Bà Thái Thị Thu N được nhận (01 kỷ phần) chia di sản thừa kế bằng hiện vật (đất) là: 33, 09m<sup>2</sup> (Trong đó: 18,75 m<sup>2</sup> ONT + 14,34 m<sup>2</sup>), thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và vị trí như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh lộ đường tỉnh lộ 932 có số đo: 01m và giáp với phần chia cho ông H, có số đo: 03m;

- Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất 240 (số thửa cũ: 99), có số đo: 4m;

- Phía Nam giáp thửa đất 240 (số thửa cũ: 99) chia cho ông H, có số đo: 11,03m;

- Phía Bắc giáp thửa đất 240 (số thửa cũ: 99), có số đo: 16,57 m.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị H được nhận toàn bộ thửa đất, thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế (đối với 02 kỷ phần thừa kế của ông Thái Thanh H và bà Thái Thị Thu N).

5. Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho 05 kỷ phần thừa kế (bà T, bà V, bà P, ông C, ông L), mỗi kỷ phần là: 52.775.625đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

6. Các phần thừa kế được nhận bằng hiện nhận (đất), có kèm theo sơ đồ phân chia thừa kế, tính cả chỉ giới huy hoạch giao thông, thuộc thửa đất số: 240 (số thửa cũ: 99), tờ bản đồ số: 55 (tờ bản đồ cũ: 12), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện M (Nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Thái H, bà Trần Thị H ngày 27/9/2007.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá; án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 15/3/2021, bị đơn ông Thái Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ổn định toàn bộ phần diện tích đất mà ông đang quản lý sử dụng 162,8 m<sup>2</sup>, ông sẽ hoàn trả lại giá trị bằng tiền phần chênh lệch đất cho các thừa kế khác.

- Ngày 16/3/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Ngày 17/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng có Quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh C, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị M, ông Trần Long D không rút đơn kháng cáo, bị đơn ông Thái H bổ sung đơn kháng và yêu cầu hủy án; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không rút Quyết định kháng nghị.

Các đương sự trình bày tại phiên tòa hôm nay như sau:

Ông Nguyễn Vĩnh P đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh C, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị M, ông Trần Long D trình bày, trước khi bà H chết thì bà H có làm di chúc với nội dung “ sau khi bà qua đời thì để lại toàn bộ phần quyền sở hữu (50% giá trị tài sản) và phần quyền thừa kế theo pháp luật mà bà được hưởng từ chồng bà là Thái H đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho con trai bà được thừa hưởng là ông Thái Thanh C và có hai người làm chứng là ông Trần Hữu Nghĩa và bà Huỳnh Thị Anh Đào” và được Phòng công chứng Ba Xuyên chứng thực ngày 11/5/2016 cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác như bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị M, ông Trần Long D đồng ý nhượng lại toàn bộ kỹ phần thừa kế từ cha mẹ là ông Thái H và bà Trần Thị H và căn nhà trên phần đất tranh chấp mà chúng tôi đang sinh sống lại cho anh và em là Thái Thanh C được thừa hưởng và không yêu cầu ông C phải bồi hoàn giá trị nhà. Các văn bản trên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên ký cùng ngày 05/01/2022 và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích tại thửa số 240 (thửa cũ 99), tờ bản đồ số 55 (tờ bản đồ cũ 12), đất tọa lạc tại ấp T, xã T cho ông C và ông C trả giá trị bằng tiền cho các bị đơn.

Ông H trình bày là hiện nay mẹ ông đã chết, nên ông yêu cầu Hội đồng xét xử cấp tỉnh hủy án sơ thẩm để về giải quyết chia thừa kế cả tài sản của cha

mẹ chết để lại và ông H không đồng ý theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của những người liên quan. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ổn định toàn bộ diện tích đất mà ông đang quản lý sử dụng 162,8 m<sup>2</sup>, ông sẽ hoàn trả lại giá trị bằng tiền phần chênh lệch đất cho các thừa kế khác.

Bà N trình bày là hiện nay mẹ ông đã chết, nên bà yêu cầu Hội đồng xét xử cấp tỉnh hủy án sơ thẩm để về giải quyết chia thừa kế cả tài sản của cha mẹ chết để lại và bà không đồng ý theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của những người liên quan. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm thì bà yêu cầu được nhận hiện vật, vì hiện nay bà không có chỗ ở khác.

Luật sư T trình bày: Bà thống nhất quan điểm của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, công nhận di chúc bà H cho ông C, giao hiện vật cho ông C và ông C trả giá trị bằng tiền.

Luật sư H trình bày: Đại diện và người bảo vệ cho những người có quyền lợi có liên quan yêu cầu công nhận là không có căn cứ và vượt phạm vi xét xử phúc thẩm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn là hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Vĩnh P, bị đơn ông Thái Thanh H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập họp lên lần thứ nhất vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

[1] Người kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị, nội dung và hình thức đơn kháng cáo và Quyết định kháng nghị, thời hạn kháng cáo và kháng nghị là đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273, 278, 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị H là ông Nguyễn Vĩnh P; đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Thanh H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân



huyện T, tỉnh Sóc Trăng làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Bà Thái Thị Thanh T, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh C, ông Thái Thanh L, bà Trương Thị Minh N, bà Lâm Thị Mân, ông Trần Long D, bà Trần Thị Ngọc G, ông Thái Bảo H và ông Thái Bảo C vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, các em Thái Vũ K, em Trần Anh K, em Thái Phi P; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là bà Thái Thị Thanh T, ông Thái Thanh C, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P, ông Thái Thanh L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Về Di sản thừa kế theo Điều 612 Bộ luật dân sự: Các đương sự thống nhất theo số đo, tứ cận, diện tích đo đạc thực tế tài sản chung của ông Trịnh H và bà Trần Thị H tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá và Sơ đồ hiện trạng thửa đất cùng ngày 07/7/2021, cụ thể phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế  $557,3\text{m}^2$ , loại đất (đất ở ONT:  $300\text{m}^2$ , đất lâu năm khác CLN:  $257,3\text{m}^2$ ), thuộc thửa đất số 240 (thửa đất cũ 99), tờ bản đồ số 55 (số cũ 12), tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; có tứ cận hướng Đông giáp cống thoát nước (Tỉnh lộ 932) số đo  $8,25\text{m}$ , hướng Tây giáp lộ đāl số đo  $7,54\text{m} + 1,78\text{m} = 9,32\text{m}$ , hướng Nam giáp đất của Ủy ban nhân dân xã T quản lý số đo  $4,95\text{m} + 8,28\text{m} + 5,92\text{m} + 1,18\text{m} + 8,03\text{m} + 7,37\text{m} + 4,42\text{m} + 2,4\text{m} + 14,39\text{m} + 13,57\text{m} + 0,68\text{m} = 71,19\text{m}$ , hướng Bắc giáp phần đất bà Thái Thị Lợi số đo  $4,95\text{m} + 17,91\text{m} + 3,5\text{m} + 2,36\text{m} + 7,37\text{m} + 4,42\text{m} + 2,16\text{m} + 14,49\text{m} + 15,20\text{m} = 72,36\text{m}$ . Trên đất có các căn nhà của:

- Ông H đang quản lý, sử dụng gồm: Nhà xe, diện tích  $59,3\text{m}^2$ , kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền láng nhựa, xà gỗ tre, mái tole, vách lá, tỷ lệ còn lại 30%; Nhà chính, diện tích  $58,4\text{m}^2$ , có kết cấu nền trảng xi măng, vách lá, mái lá, tỷ lệ còn lại 30%.

- Bà N đang quản lý, sử dụng: Diện tích  $22,2\text{m}^2$ , kết cấu nền gạch men, mái tole, vách lá, tỷ lệ còn lại 40%.

- Ông C đang quản lý, sử dụng: Diện tích  $61,2\text{m}^2$ , kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền lát gạch ceramic, xà gỗ gỗ, mái tole, vách tole, tỷ lệ còn lại 40%.

- Ông L đang quản lý, sử dụng: Diện tích  $31,7\text{m}^2$ , kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền lát gạch tàu, vách tường 10cm, xà gỗ gỗ, mái tole, vách lá, tỷ lệ còn lại 40%.

- Bà P đang quản lý, sử dụng: Diện tích  $43\text{m}^2$  (có diện tích  $29,04\text{m}^2$  nằm ở lõi đi chung chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và  $13,273\text{m}^2$  nằm trong đất của bà H và ông H), kết cấu cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, vách tường 10cm, quét vôi, xà gỗ gỗ, mái tole, tỷ lệ còn lại 50%.

- Bà H đang quản lý, sử dụng: Diện tích 49,2 m<sup>2</sup>, có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, vách tường 10cm, quét vôi, xà gỗ gỗ, tỷ lệ còn lại 50%.

- Bà T đang quản lý, sử dụng: Diện tích 44,7 m<sup>2</sup>, có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, vách tường 10cm, xà gỗ gỗ, tỷ lệ còn lại 50%. Giá trị tài sản là 79.293.262 đồng.

Tại chứng thư thẩm định giá số 165/2021/CT- BDS-ST ngày 16 /8/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá SaoViệt, chi nhánh tỉnh Sóc Trăng thì quyền sử dụng đất ½ thửa đất số 240, tờ bản đồ số 55 theo địa chỉ nêu trên, có tổng giá trị 1.799.884.300 đồng. Trong đó:

- Đất ở: vị trí 1 (115m<sup>2</sup> x 10.395.000đ/m<sup>2</sup> = 1.195.425.000đ) + vị trí 2 (35m<sup>2</sup> x 5.198.000đ/ m<sup>2</sup> = 181.930.000 đ) = 1.377.355.000 đồng;

- Đất trồng cây lâu năm nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình đường Tỉnh lộ 932: 20,05 m<sup>2</sup> x 150.000đ/ m<sup>2</sup> = 3.007.500đồng;

- Đất trồng cây lâu năm nằm ngoài hành lang bảo vệ an toàn công trình đường Tỉnh lộ 932: 108,6 m<sup>2</sup> x 3.863.000đ/ m<sup>2</sup> = 419.521.800đồng.

- Giá trị tài sản của (ông H là 37.775.640 đồng; bà N là 8.455.598 đồng; ông C là 29.022.778 đồng; ông L là 33.784.008 đồng; bà P là 77.613.839 đồng; bà H là 97.653.709 đồng và bà T là 79.293.262 đồng).

[4] Người thừa kế theo pháp luật:

[4.1] Ông Trịnh H (chết ngày 02/12/2011), có vợ bà Trần Thị H (hiện nay còn sống) và có tất cả 07 người con ruột là bà Thái Thị Thu N, ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Thanh T, ông Thái Thanh C, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P và ông Thái Thanh L. Ngoài ra, ông H không có người con riêng, con nuôi nào khác, lúc còn sống ông H không có người vợ nào khác, cha mẹ ông H đều đã chết.

[4.2] Do ông H chết không để lại di chúc, nên bà Trần Thị H, bà Thái Thị Thu N, ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Thanh T, ông Thái Thanh C, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P và ông Thái Thanh L là người thừa kế theo pháp luật của ông H và những người này không từ chối nhận di sản hoặc thuộc trường hợp người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại các Điều 620, Điều 621, Điều 649, Điều 650 và điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Tại tòa, hàng thừa kế thứ nhất của ông H là bà Trần Thị H, bà Thái Thị Thu N, ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Thanh T, ông Thái Thanh C, bà Thái Thị Thanh V, bà Thái Thị Thanh P và ông Thái Thanh L đều đồng ý chia thừa kế đối với di sản của ông H diện tích đất 278,65m<sup>2</sup> nêu trên thành 08 kỷ phần bằng nhau, tức là mỗi kỷ phần có diện tích đất tương đương 34,83m<sup>2</sup> (278,65m<sup>2</sup> : 08), giá trị của mỗi kỷ phần tương đương 224.985.500đồng (1.799.884.300 đ : 08).

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Nguyễn Vĩnh P đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử giao

toàn bộ diện tích tại thửa số 240 (thửa cũ 99), tờ bản đồ số 55 (tờ bản đồ cũ 12), đất tọa lạc tại ấp T, xã T cho ông C và ông C trả giá trị bằng tiền cho các bị đơn.

[6] Phí các bị đơn ông H và bà N đều khai là hiện nay mẹ ông bà đã chết, nên ông bà yêu cầu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để về giải quyết chia thừa kế cả tài sản của cha mẹ chết để lại và ông, bà không đồng ý theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của những người liên quan. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ổn định toàn bộ diện tích đất ông bà đang quản lý sử dụng và ông H sẽ hoàn trả lại giá trị bằng tiền phần chênh lệch đất cho các thừa kế khác.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm các nội dung sau:

[7.1] Cấp sơ thẩm có vi phạm như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2019 chỉ nêu diện tích căn nhà mà không mô tả vị trí tứ cạnh của các căn nhà trên thửa đất; trên phần đất tranh chấp có các em Thái Vũ K, Trần Anh K, Thái Phi P đang ở trên phần đất tranh chấp nên việc giải quyết vụ án có liên quan đến em K, K và Phụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các em K, K và Phụng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 BLTTDS; theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2019 thể hiện ông Thái H đang quản lý sử dụng nhà gắn liền với đất diện tích 162,8m<sup>2</sup> và bà Thái Thị Thu N đang quản lý sử dụng phần đất 27,9m<sup>2</sup> trên đất có căn nhà diện tích 15,64m<sup>2</sup> (3,4m x 4,6m) nhưng theo quyết định của bản án thì ông H và bà N được nhận 01 kỷ phần chia thừa kế bằng hiện vật (đất) là 33,09m<sup>2</sup> (Trong đó: 18,75 m<sup>2</sup> ONT + 14,34 m<sup>2</sup>). Như vậy, phần diện tích đất ông H được nhận nhỏ hơn so với diện tích đất ông H đang quản lý nhưng không đặt ra xem xét phần diện tích đất trên lệch, xử lý căn nhà của ông H như thế nào; và phần đất bà N được nhận có ngay vị trí căn nhà của bà N hay không. Việc tuyên án không đầy đủ, thiếu sót này không thể thi hành án được khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, các vi phạm, thiếu sót trên cấp phúc thẩm đã khắc phục tiến hành xem xét thẩm định lại và bổ sung người tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát phần này, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục, nên nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7.2] Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn bà Trần Thị H đã chết nhưng quyết định của bản án giao cho bà H được nhận 05 kỷ phần của (bà T, bà V, bà P, ông C, ông L), buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho 05 kỷ phần thừa kế (mỗi kỷ phần là: 52.775.625 đồng là không còn phù hợp và phát sinh 50% diện tích thửa đất số: 240 (cũ 99), tờ bản đồ số: 55 (cũ: 12), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị H chết để lại thành di sản thừa kế và theo yêu cầu của bị đơn đề nghị chia thừa kế di sản của bà H trong cùng vụ án .

[7.3] Đại diện theo ủy quyền của ông C đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ diện tích tại thửa số 240 (thửa cũ 99), tờ bản đồ số 55 (tờ bản đồ cũ 12), đất tọa lạc tại ấp T, xã T cho ông C và ông C trả giá trị bằng tiền cho các bị đơn.

[7.4] Phía các bị đơn và các bị đơn cũng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H không đồng ý theo yêu cầu của đại diện ông C và các bị đơn cho rằng phần di sản bà H chết để lại chưa chia và yêu cầu hủy án để về giải quyết lại vụ án cho dứt điểm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông C yêu cầu ở tiểu mục [7.2] và bị đơn yêu cầu ở tiểu mục [7.4] thì thấy rằng:

[8.1] Trước khi bà H chết thì bà H có làm di chúc là sau khi bà qua đời thì để lại toàn bộ phần quyền sở hữu (50% giá trị tài sản) và phần quyền thừa kế theo pháp luật mà bà được hưởng từ ông Thái H đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho con trai bà được thừa hưởng là ông Thái Thanh C và có hai người làm chứng là ông Trần Hữu Nghĩa và bà Huỳnh Thị Anh Đào” và được Phòng công chứng Ba Xuyên chứng thực ngày 11/5/2016, sau khi xét xử sơ thẩm bà H chết thì di chúc này có hiệu lực kể từ khi bà H chết nên cấp sơ thẩm chưa xem xét, đối với cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đại diện ông C yêu cầu giao toàn bộ diện tích tại thửa số 240 (thửa cũ 99), tờ bản đồ số 55 (tờ bản đồ cũ 12), đất tọa lạc tại ấp T, xã T cho ông C và ông C trả giá trị bằng tiền cho các bị đơn là vượt phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận.

[8.2] Ông H và bà N cho rằng hiện nay mẹ ông bà đã chết, nên ông yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để về giải quyết chia thừa kế cả tài sản của cha mẹ chết để lại và ông H, bà N không đồng ý theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của ông C. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ổn định toàn bộ diện tích đất mà ông bà đang quản lý sử dụng và ông bà sẽ hoàn trả lại giá trị bằng tiền phần chênh lệch đất cho các thừa kế khác. Do yêu cầu của các đương sự vượt phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng cấp phúc thẩm không chấp nhận. Tuy nhiên, để giải quyết toàn diện và dứt điểm vụ án thì cấp phúc thẩm cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại sẽ toàn bộ thừa đất cho các đương sự trong cùng một vụ án là hợp tình, hợp lý.

Do có tình tiết mới án sơ thẩm bị hủy, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[9] Tại các tiểu mục [7.2], [7.3] mục [7] đến mục [8] thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Quyết định căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST, ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng và vụ án được xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

[5] Do án sơ thẩm bị hủy, nên kháng cáo của đại diện nguyên đơn và của bị đơn và lời yêu cầu của những người khác kể cả Luật sư không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Do bản án sơ thẩm bị hủy, các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các chi phí khác, khi xét xử lại sẽ xem xét theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng về vụ án “Tranh chấp hợp chia thừa kế”, giữa nguyên đơn bà Trần Thị H với các bị đơn ông Thái Thanh H, bà Thái Thị Thu N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

2. Chuyển sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự trong vụ án không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Hồ Văn Phụng**